HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN QUẢN LÝ CÔNG TY

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN QUẢN LÝ CÔNG TY ("Hợp đồng") này, được ký và có hiệu lực từ ngày __ tháng __ năm 20….., giữa:

CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

Trụ sở : ……

Điện thoại : …… Fax: ……

ĐKKD/MST : ……

Đại diện : Ông Nguy…… Chức vụ: _____ - Đại diện theo pháp luật

BÊN TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN ……

Trụ sở : ……

Điện thoại/Fax: ……

ĐKKD/MST : ……

Tài khoản số : ……

Đại diện : Ông …… Chức vụ: Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật

Công ty và Bên Tư vấn sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các bên" hoặc "Hai bên".

(Các Bên công nhận rằng trong trường hợp Các Bên có từ hai cá nhân/tổ chức trở lên hoặc Các bên có nhiều cá nhân/tổ chức thực thi công việc của Hợp đồng này thì mọi dẫn chiếu đến Bên nào trong Hợp đồng này có nghĩa là từng cá nhân/tổ chức trong số họ và các nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên được dẫn chiếu theo quy định tại Hợp đồng này đều là nghĩa vụ liên đới của các cá nhân/tổ chức thuộc Bên được dẫn chiếu. Bên còn lại không có trách nhiệm phải xác định nghĩa vụ cá nhân cũng như tỷ lệ đóng góp của từng cá nhân/tổ chức thuộc Bên được dẫn chiếu, nhưng Bên còn lại có quyền yêu cầu từng cá nhân/tổ chức thuộc Bên được dẫn chiếu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên được dẫn chiếu theo quy định tại Hợp đồng này).

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Phạm vi dịch vụ: Bên Tư vấn cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với Công ty trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, hoạt động của các phòng ban và thực hiện vai trò giám sát nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra bình thường và đạt được Chỉ tiêu cam kết.

1.2. Bên Tư vấn bảo đảm Chỉ tiêu cam kết của dịch vụ tư vấn do mình cung cấp như sau:

1.2.1. Bên Tư vấn bảo đảm Giá trị của Công ty là: …… tỷ Việt Nam Đồng (VNĐ) trước khi hết thời hạn Hợp đồng tại khoản 1.3 Điều này.

1.2.2. Bên Tư vấn bảo đảm Công ty đạt các chỉ tiêu tài chính đính kèm phụ lục số 02 đối với mỗi năm thực hiện Hợp đồng.

1.2.3. Trường hợp hết thời hạn Hợp đồng tại khoản 1.3 Điều này mà chưa đạt được các Chỉ tiêu cam kết, tùy vào quyết định của Công ty, Bên Tư vấn cam kết tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi hoàn thành được các Chỉ tiêu cam kết tại điều này mà không yêu cầu Công ty trả thêm bất kỳ phí dịch vụ nào hoặc Công ty chấm dứt hợp đồng theo những điều khoản của Hợp đồng này.

1.3. Thời hạn thực hiện Hợp đồng: Thời hạn của Hợp đồng là 05 (năm) năm tính từ ngày 01/01/20… đến hết ngày 31/12/20…. ("Thời hạn Hợp đồng"), trừ trường hợp gia hạn hợp đồng theo khoản 1.2.3 Điều này. Nếu có bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào mà Bên Tư vấn đã thực hiện liên quan đến phạm vi công việc Hợp đồng này trước ngày ký kết Hợp đồng này, thì các công việc đó cũng tuân theo và chịu sự điều chỉnh bởi Hợp đồng này. Bên Tư vấn cũng phải chịu trách nhiệm những công việc đã và đang thực hiện trước thời gian ký Hợp đồng này.

1.4. Hình thức tư vấn: Bên Tư vấn tiến hành tư vấn cho Công ty theo các cách thức sau đây:

(1) Tư vấn theo hình thức văn bản: Bên Tư vấn bằng cách ban hành các văn bản tư vấn và gửi đến Công ty; và

(2) Cử các chuyên gia/cố vấn/người lao động đến Công ty để tư vấn, hỗ trợ Công ty điều hành, quản lý, kiểm soát, ra kế hoạch, quyết định và thực thi (Sau đây gọi là ***"Người thực thi công việc tư vấn"***)

1.5. Giá trị của Công ty tại Khoản 1.2.1 Hợp đồng được xác định bằng một trong các phương thức sau theo thứ tự ưu tiên giảm dần:

(1) Xác định bằng giá trị vốn hoá của Công ty khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên các thị trường chứng khoán chính thức;

(2) Xác định khi IPO (phát hành cổ phiếu ra công chúng);

(3) Xác định tại các thời điểm lựa chọn nhà đầu tư chiến lược;

(4) Xác định bởi các Công ty định giá độc lập do hai bên thống nhất chỉ định;

(5) Xác định bằng bảy (07) lần lợi nhuận ròng hàng năm theo báo cáo tài chính năm trước liền kề;

1.6. Nếu Công ty không đồng ý với các kết quả các Chỉ Tiêu Tài Chính tại Khoản 1.2.2 thì:

1.6.1. Công ty bằng chi phí của mình chỉ định một đơn vị thẩm định có năng lực được liệt kê trong danh sách đã được chấp thuận dưới đây:

- PwC
- EY
- KPMG
- Grant Thornton

hoặc đơn vị thẩm định khác được Các Bên đồng ý để xác định các Chỉ Tiêu Tài Chính này.

1.6.2. Nếu Bên Tư vấn không đồng ý với kết quả xác định Chỉ Tiêu Tài Chính tại Khoản 1.5.1, Bên Tư vấn bằng chi phí của mình chỉ định một đơn vị thẩm định khác có năng lực như đã được liệt kê trong danh sách đã được chấp thuận hoặc một đơn vị khác được Các Bên đồng ý.

1.6.3. Nếu kết quả thẩm định của hai đơn vị thẩm định tại Khoản 1.5.1 và Khoản 1.5.2 có sự chênh lệch thấp hơn 10% thì Chỉ Tiêu Tài Chính tương ứng sẽ là giá trị trung bình của hai kết quả thẩm định. Nếu kết quả thẩm định chênh lệch trên 10%, hai đơn vị thẩm định chọn một đơn vị thẩm định thứ ba để thẩm định. Kết quả thẩm định của đơn vị thứ ba sẽ là kết quả cuối cùng nếu nó nằm trong khoảng giữa của hai kết quả thẩm định trước đó. Nếu Chỉ Tiêu Tài Chính của kết quả thẩm định của đơn vị thứ ba không nằm trong phạm vi đó thì giá trị bình quân của cả ba đơn vị sẽ được sử dụng là kết quả xác định chỉ tiêu tài chính cuối cùng. Chi phí cho đơn vị thẩm định thứ ba sẽ được chia đều cho Công ty và Bên Tư vấn.

1.6.4. Khi xác định chỉ tiêu tài chính nêu trên, các đơn vị thẩm định phải căn cứ vào các tiêu chuẩn kế toán, quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Công ty.

ĐIỀU 2. THÙ LAO DỊCH VỤ VÀ THANH TOÁN

2.1. Thù lao dịch vụ mà Công ty trả cho Bên Tư vấn bao gồm: Phí tư vấn và Thưởng

2.2. Phí Tư vấn mà Bên Tư vấn nhận được được xác định theo nguyên tắc trong phụ lục số 02 và thoả thuận hàng năm trên cơ sở mặt bằng thu nhập của thị trường ứng với hiệu quả đạt được.

2.3. Trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty, Công ty chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Tư vấn theo mức thù lao được quy định tại phụ lục số 03 được đính kèm Hợp đồng này.

2.4. Thù lao dịch vụ được tính vào chi phí hoạt động của Công ty để tính toán các chỉ tiêu tài chính thưởng vượt chỉ tiêu lợi nhuận chi từ lợi nhuận sau thuế.

2.5. Bên Tư vấn được thưởng XX% Vốn Điều lệ của Công ty hoặc nhận số tiền/tài sản với giá trị tương đương tại thời điểm Công ty bán được ….. tỷ Việt Nam Đồng (VNĐ). Phần thưởng không bao gồm phần sở hữu của Công ty trong các doanh nghiệp khác.

ĐIỀU 3. KẾ HOẠCH NĂM, CHI PHÍ THỰC HIỆN VÀ TÀI KHOẢN HOẠT ĐỘNG

3.1. Kế Hoạch Năm

3.1.1. Bên Tư vấn phải thực hiện lên kế hoạch, hoạt động kinh doanh theo kế hoạch năm trong năm thực hiện Hợp đồng ("Kế Hoạch Năm"). Kế Hoạch Năm bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung về kế hoạch kinh doanh và tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Các mục tiêu về tài chính của năm;
- Kế hoạch tài chính, chi phí hoạt động và ngân sách của năm;
- Các khách hàng và thị trường tiềm năng dự kiến phát triển;
- Các phương án tiếp thị và quảng cáo;
- Tình hình nhân sự và các thay đổi so với Kế Hoạch Nhân Sự;
- Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện hoạt động kinh doanh năm tiếp theo của Bên Tư vấn; và
- Tất cả các nội dung khác có thể dẫn đến thay đổi về Kế Hoạch Năm.

3.1.2. Các loại báo cáo, nội dung báo cáo, thời hạn báo cáo Quý: Theo danh mục Báo cáo tài chính đính kèm (Bổ sung chi tiết phụ lục hợp đồng).

3.1.3. Bên Tư vấn thực hiện tất cả các công việc cần thiết để đảm bảo Kế Hoạch Năm được thực hiện đầy đủ và đảm bảo tất cả các chi phí không vượt quá chi phí dự kiến tại các kế hoạch này.

3.1.4. Các chỉ tiêu lợi nhuận hàng năm của Công ty sẽ được các bên điều chỉnh và thống nhất vào ngày 31/12 hàng năm.

3.2. Chi phí thực hiện

3.2.1. Mọi chi phí phục vụ cho việc vận hành Công ty, bao gồm cả chi phí dịch vụ mua ngoài và thuê tư vấn, sẽ được Công ty chi trả theo Kế Hoạch Năm và các yêu cầu hợp lý tùy từng thời điểm của Bên Tư vấn.

3.2.2. Bên Tư vấn không được quyết định chi bất kỳ khoản tiền nào mà không có sự chấp thuận của Công ty, ngoại trừ các khoản chi cho hoạt động hàng ngày đều nằm trong ngân sách đã được duyệt bởi Công ty.

3.3. Tài Khoản Hoạt Động

3.3.1. Công ty sẽ lập một tài khoản ngân hàng tại một ngân hàng được phép tại Việt Nam để thu các khoản doanh thu và thanh toán chi phí cần thiết cho hoạt động của Công ty ("Tài Khoản Hoạt Động").

3.3.2. Công ty sẽ ủy quyền để Bên Tư vấn có thể ra các quyết định tài chính như có thể rút tiền và chuyển tiền từ Tài Khoản Hoạt Động tuân theo các quy định sau:

- Ký các lệnh rút tiền và lệnh chuyển tiền dưới 100.0000.000 VNĐ mà không cần phải có phê duyệt của Công ty, tuy nhiên tổng giá trị lệnh giao dịch rút tiền và/hoặc chuyển tiền không vượt quá chi tiêu định kỳ hàng tháng quy định tại Kế Hoạch Năm và không vượt quá 100.000.000 VNĐ/tháng.
- Các lệnh rút tiền và lệnh chuyển tiền từ 100.000.000 VNĐ trở lên cần phải có phê duyệt của Công ty.

Việc uỷ quyền trên có thể được điều chỉnh hàng năm tuỳ theo tình hình thực tế yêu cầu.

3.3.3. Bên Tư vấn không được thực hiện bất kỳ khoản chi và lệnh chuyển tiền nào bằng Tài Khoản Hoạt Động nếu khoản chi đó không nằm trong Kế Hoạch Năm và/hoặc không phải là vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3.3.4. Bên Tư vấn cam kết và đảm bảo rằng tất cả các khoản doanh thu với bất kể giá trị nào của Công ty có liên quan đến trách nhiệm tư vấn của Bên Tư vấn đều được thu thông qua Tài Khoản Hoạt Động, trừ khi được chấp thuận khác bằng văn bản của Công ty.

ĐIỀU 4. KIỂM TRA, BÁO CÁO TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Công ty, Bên Tư vấn có trách nhiệm gửi Báo cáo về tình hình thực hiện dịch vụ tư vấn cho Công ty theo nội dung mà Công ty yêu cầu.

4.2. Công ty có quyền cử một hoặc một số cá nhân để giám sát hoạt động của Bên Tư vấn ("Ban Giám Sát"). Ban Giám Sát bao gồm đại diện pháp luật của Công ty làm trưởng ban và luật sư, kiểm toán viên do Công ty thuê là các thành viên. Ban Giám Sát có quyền giám sát hoạt động của Bên Tư vấn, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau:

4.2.1. Tham dự tất cả các cuộc họp của Bên Tư vấn liên quan đến việc tư vấn cho Công ty và thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng này;

4.2.2. Tiếp cận bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn của Bên Tư vấn;

4.2.3. Nếu trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thấy có bất kỳ hoạt động của Bên Tư vấn không phù hợp với Hợp đồng này hoặc không vì lợi ích của Công ty ("Vấn Đề Nghi Vấn"), Ban Giám Sát và/hoặc Đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ triệu tập một cuộc họp với Bên Tư vấn để giải quyết Vấn Đề Nghi Vấn này. Bên Tư vấn phải tham gia cuộc họp và có trách nhiệm giải thích và trình bày các chứng cứ và tài liệu một cách rõ ràng và thuyết phục liên quan đến Vấn Đề Nghi Vấn.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN TƯ VẤN

5.1. Thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng này.

5.2. Nếu Công ty bị cơ quan nhà nước xử phạt và/hoặc bị thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp từ quyết định tài chính hoặc các hành động khác của Bên Tư vấn (bất kể thời điểm phát sinh thiệt hại là trong thời hạn Hợp đồng, trong thời hạn gia hạn Hợp đồng hay khi Hợp đồng đã hết hiệu lực) thì Công ty có quyền khấu trừ khoản tiền Công ty bị xử phạt/bị thiệt hại vào khoản Phí Tư vấn mà Công ty sẽ trả cho Bên Tư vấn hoặc nếu khoản tiền trên không đủ/không còn để khấu trừ thì Bên Tư vấn có trách nhiệm trả cho Công ty khoản tiền trên trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Công ty.

5.3. Trong trường hợp Bên Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này tạo ra hay góp phần tạo ra bất kỳ sáng chế, kiểu dáng, phát triển mới, thiết bị, sản phẩm, phương pháp hay quy trình (cho dù có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, được ứng dụng vào thực tiễn hay bao gồm thông tin do Công ty cung cấp hay không) trực tiếp hay gián tiếp đến công việc kinh doanh mà Công ty đang thực hiện hoặc sẽ thực hiện ("Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ"), thì

Bên Tư vấn thừa nhận rằng Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ này là tài sản độc quyền của Công ty và qua Hợp đồng này đồng ý chuyển nhượng toàn bộ không bồi hoàn quyền và lợi ích đối với Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ đó cho Công ty. Bên Tư vấn sẽ ngay lập tức thông báo và cung cấp đầy đủ cho Công ty tất cả các Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ mà Bên Tư vấn đã phát triển và sẽ phối hợp với Công ty để bảo vệ các quyền và lợi ích đối với Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp các hỗ trợ hợp lý trong việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ với Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ bằng chi phí của Công ty và ký tất cả các văn bản theo yêu cầu hợp lý của Công ty, bất kể yêu cầu đó phát sinh từ trước hay sau khi chấm dứt quan hệ Hợp đồng giữa Công ty và Bên Tư vấn .

5.4. Bên Tư vấn không đưa ra bất kỳ thông cáo báo chí hoặc tuyên bố công khai nào liên quan đến Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty mà không có sự đồng ý của Công ty và Công ty có toàn quyền quyết định có đồng ý về vấn đề này hay không, trừ trường hợp việc công bố đó là cần thiết theo các quy định về niêm yết của sở giao dịch chứng khoán hoặc theo pháp luật hiện hành. Bên Tư vấn phải xin chấp thuận của Công ty đối với tất cả các nội dung và tài liệu thông cáo báo chí của Công ty.

5.5. Công ty giữ lại 70% lợi nhuận hàng năm để bổ sung tăng vốn điều lệ Công ty. Các phần vốn nhàn rỗi, Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông có quyền sử dụng cho các mục đích khác nhưng phải trả lãi cho Công ty theo lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng. Nếu Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông rút lợi nhuận trên 30% dẫn đến thiếu hụt vốn hoạt động, thì Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đôngcó trách nhiệm tìm nguồn bổ sung phần đã rút vượt 30% nhằm đảm bảo cho việc thực hiện các kế hoạch hoạt động của Công ty. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông nói trên sẽ chịu trách nhiệm thanh toán lãi suất cho phần vốn huy động này. Ngoài trường hợp trên, Bên Tư vấn chịu trách nhiệm tư vấn và thực hiện các quyết định tài chính nhằm cân đối nguồn vốn để đảm bảo Công ty hoạt động ổn định.

5.6. Các tài sản của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông thế chấp ngân hàng bảo lãnh vay vốn cho Công ty hoạt động, Bên Tư vấn chịu trách nhiệm tư vấn và thực hiện các quyết định tài chính nhằm cân đối nguồn tiền thanh toán cho ngân hàng để đảm bảo số tài sản đó không bị ngân hàng phát mãi.

5.7. Các tài sản của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông thế chấp ngân hàng bảo lãnh cho Công ty vay vốn ngân hàng, Bên Tư vấn không được sử dụng sai mục đích mà Hai bên đã thống nhất bằng văn bản và phải đảm bảo đúng thời hạn thanh toán cho ngân hàng để Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Cổ đông rút tài sản về đúng hạn.

5.8. Không hạn chế quy định tại về bồi thường khác trong Hợp đồng, Bên Tư vấn phải hoàn trả cho Công ty:

- Các chi phí không có trong Kế Hoạch Năm và/hoặc nhưng không được Công ty phê duyệt; và
- Các hành vi gây thiệt hại của Bên Tư gây ra đối với Công ty do Bên Tư vấn đã không thực hiện tốt trách nhiệm của mình tại Hợp đồng theo sự quyết định của Công ty;

5.9. Nếu Bên Tư vấn đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trái với quy định của Hợp đồng này và/hoặc trái pháp luật Bên Tư vấn còn phải bồi thường cho Công ty khoản lợi nhuận mục tiêu sau thuế nêu trong các phụ lục hàng năm và phải hoàn trả toàn bộ các khoản chi phí tạm ứng, thưởng, thù lao mà Bên Tư vấn đã nhận.

ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TƯ VẤN, HỖ TRỢ QUẢN LÝ

Bên Tư vấn cam kết nỗ lực trọn vẹn để thực hiện tư vấn, hỗ trợ quản lý cho Công ty theo những nguyên tắc sau đây:

6.1. Tư vấn, hỗ trợ quản lý, định hướng cho những Người thực thi công việc tư vấn của mình một cách thận trọng, phù hợp và vì lợi ích của Công ty;

6.2. Đảm bảo việc tư vấn, hỗ trợ quản lý điều hành và Người thực thi công việc tư vấn của mình tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, các quy chuẩn, quy chế, tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ, các thao tác vận hành, điều phối nhằm không có hoặc loại trừ các rủi ro có thể xảy ra khiến Công ty phải gánh chịu các hậu quả không mong muốn;

6.3. Đảm bảo từ kết quả tư vấn, Công ty tiếp tục vận hành theo đúng thông lệ, tập quán thương mại trước đó của Công ty;

6.4. Bên Tư vấn không định hướng cho Người thực thi công việc tư vấn của mình khi chưa có sự chấp thuận của Công ty về bất cứ giao dịch cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc chuyển nhượng tài sản của Công ty;

6.5. Bên Tư vấn cam kết nguyên tắc chịu trách nhiệm toàn bộ và kịp thời nếu trách nhiệm đó phát sinh từ và/hoặc liên quan đến hoạt động tư vấn, hành động của Người thực thi công việc tư vấn.

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG, BÀN GIAO KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

7.1.1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi thông báo cho Bên rơi vào Bất khả kháng trước 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên kia rơi vào tình trạng Bất Khả kháng được quy định tại Khoản 8.2 Hợp đồng này và không thể khắc phục tình trạng Bất Khả Kháng trong vòng 20 (hai mươi) ngày.

7.1.2. Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng này với thời gian thông báo tương ứng với các trường hợp cụ thể như sau:

(1) Thông báo chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản trước 180 (một trăm tám mươi) ngày nếu Bên Tư vấn vi phạm bất kỳ nghĩa vụ hoặc cam kết nào theo Hợp đồng này và việc vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm bằng Thông báo bằng văn bản của Bên Tư vấn.

(2) Ngay lập tức gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng cho Bên Tư vấn nếu Bên Tư vấn vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Khoản 7.6 Hợp đồng này.

(3) Ngay lập tức gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng cho Bên Tư vấn nếu Bên Tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra có ảnh hưởng tương tự như các hoạt động hoặc sự kiện này.

(4) Thông báo chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản trước 180 (một trăm tám mươi) ngày và không cần lý do với điều kiện Công ty thanh toán cho Bên Tư vấn 100% khoản Phí Tư vấn tính đến thời điểm 31/12/2023 và khoản tiền Thưởng tương ứng với các chỉ tiêu tài chính được quy định tại Phụ lục số 02 tính tại thời điểm chấm dứt.

(5) Thông báo chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản trước 90 (chín mươi) ngày nếu việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng không còn có lợi theo đánh giá của Công ty và Công ty thanh toán phần Phí dịch vụ mà Bên Tư vấn đã thực hiện.

7.2. Bàn giao khi chấm dứt Hợp đồng:

7.2.1. Trừ khi Công ty có một quyết định khác, trước 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Chấm dứt Hợp đồng, Bên Tư vấn phải hoàn thành việc thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ dưới đây:

- Quyết toán toàn bộ sổ sách chứng từ và lập báo cáo tổng kết toàn bộ tình hình hoạt động và tài chính của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung đã thực hiện trên thực tế so với Kế Hoạch Năm;
- Chuyển giao cho nhân sự do Công ty chỉ định toàn bộ dữ liệu kinh doanh, hợp đồng, dữ liệu khách hàng, và toàn bộ hồ sơ, sổ sách và chứng từ về đến hoạt động của Công ty mà Bên Tư vấn có;
- Di chuyển và gỡ bỏ tài sản và công cụ thuộc sở hữu riêng của Bên Tư vấn (nếu có) ra khỏi Công ty hoặc nếu có yêu cầu của Công ty, Bên Tư vấn bán các tài sản và công cụ này cho Công ty theo giá thị trường;
- Chuyển giao cho nhân sự của Công ty tất cả các hướng dẫn, chỉ dẫn, và lưu ý cần thiết cho việc hoạt động Công ty;
- Không chấm dứt bất kỳ Hợp đồng nào, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng với khách hàng, nhà cung cấp, đối tác, nhà thầu phụ, Hợp đồng lao động và các Hợp đồng tương tự của Công ty, trừ khi việc chấm dứt đó là hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty;
- Chuyển giao toàn bộ tài sản và Tài Sản Sở Hữu Trí Tuệ của Công ty mà Bên Tư vấn đang nắm giữ cho người do Công ty chỉ định;
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Công ty cần thiết cho việc tiếp quản công việc quản lý Công ty.

7.2.2. Nếu Bên Tư vấn không thực hiện đúng quy định tại Khoản này thì Bên Tư vấn có trách nhiệm phải trả cho Công ty một khoản phạt là _____.

ĐIỀU 8. CAM KẾT CHUNG CỦA CÁC BÊN

8.1. Những thông tin mà mình đã tiết lộ với Bên kia (dưới bất kỳ hình thức nào) là đúng sự thật.

8.2. Các bên có đủ điều kiện, khả năng theo pháp luật để ký và thực hiện Hợp đồng này.

8.3. Mỗi Bên phải chịu các khoản phí của mình (bao gồm bất kỳ khoản thuế liên quan đến các khoản phí này) phát sinh từ việc đàm phán, chuẩn bị và ký kết Hợp đồng này, bao gồm cả chi phí thuê tư vấn, luật sư của mỗi bên.

8.4. Các bên đồng ý tự mình chịu trách nhiệm và bảo đảm Bên còn lại không bị thiệt hại liên quan đến: bất kỳ thiệt hại, yêu cầu, tổn thất, trách nhiệm, hành vi pháp lý, vụ kiện, phạt hoặc các chi phí và phí tổn hợp lý (bao gồm phí luật sư) do lỗi của mình.

8.5. Hợp đồng này không được chuyển nhượng bởi bất kỳ Bên nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại. Hợp đồng ràng buộc Các bên và những người thừa kế, đại diện và những người được ủy quyền tương ứng.

8.6. Bảo mật thông tin:

8.6.1. Không Bên nào được sử dụng bất kỳ thông tin nào được tiết lộ (cho dù là bằng văn bản, lời nói hoặc bất kỳ hình thức nào khác và cho dù là trực tiếp hay gián tiếp) bởi một Bên cho Bên còn lại trước hoặc sau ngày của Hợp đồng này ("Thông Tin Bảo Mật") trừ trường hợp cần thiết vì mục đích thực hiện Hợp đồng hoặc vì mục đích thực hiện quyền của Bên đó theo Hợp đồng này; hoặc Tiết lộ bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào của Bên còn lại cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ những người quản lý, người lao động, đại lý hoặc Nhà Cung Cấp của bên đó ("Người Nhận Được Phép") và bảo đảm thông tin được tiết lộ là tối thiểu.

8.6.2. Mỗi Bên bảo đảm rằng Người Nhận Được Phép có được hoặc tiếp cận được Thông Tin Bảo Mật tuân thủ các nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Khoản này.

8.6.3. Các bên không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh mà mình biết/tiếp nhận được để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của mình và/hoặc Bên Thứ Ba.

8.6.4. Các nghĩa vụ bảo mật này sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng này được chấm dứt.

8.6.5. Thông Tin Bảo Mật không bao gồm:

- Thông tin đã được công bố rộng rãi ra công chúng;
- Thông tin mà một bên thứ ba có được không phải do việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật của bất kỳ Bên nào;
- Bên còn lại có được thông tin trước ngày ký Hợp đồng này; và
- Thông tin buộc phải công bố theo yêu cầu của pháp luật hoặc bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp xảy ra hành vi vi phạm, Bên vi phạm phải bồi thường những thiệt hại thực tế cho bị vi phạm.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Tất cả các thông báo được trao đổi theo Hợp đồng được thực hiện dưới dạng văn bản và được xem là đã được gửi đến bên kia hợp lệ khi (a) vào ngày nhận được nếu giao tận tay, bằng chuyển phát có hồi báo hoặc bằng email; và (b) 7 (bảy) ngày làm việc sau khi gửi nếu gửi bằng dịch vụ bưu điện khác.

9.2. "Bất Khả Kháng" có nghĩa là một sự kiện xảy ra một cách khách quan mà Các bên không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu một Bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng Bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho Bên còn lại về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng Bất khả kháng và phải nêu rõ nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 (mười bốn) ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng (hoặc lẽ ra đã nhận biết được) về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng Bất Khả Kháng. Bên đó, khi đã thực hiện nghĩa vụ thông báo trong thời hạn nêu trên, được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ của mình trong thời gian mà tình trạng Bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

9.3. Luật Việt Nam điều chỉnh và giải thích Hợp đồng này.

9.4. Khi có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, Các bên sẽ nỗ lực thực hiện việc thương lượng, hòa giải để giải quyết. Nếu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp mà Các bên không thể tự giải quyết thì Các bên tiến hành giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc Tố tụng Trọng tài của Trung tâm này. Chi phí Trọng tài, bao gồm chi phí Luật sư do bên thua kiện chịu.

9.5. Các tiêu đề của các điều khoản của Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích tham chiếu và không được dùng để giải thích nội dung của điều khoản đó.

9.6. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thực thi được theo luật của bất kỳ cơ quan thẩm quyền nào sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực, tính hợp pháp hoặc tính thực thi theo luật của bất kỳ cơ quan thẩm quyền khác hoặc hiệu lực, tính hợp pháp hoặc tính thực thi của bất kỳ điều khoản nào khác.

9.7. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Các bên ký kết và thay thế toàn bộ các thỏa thuận bằng văn bản hay bằng lời nói trước đây liên quan đến các nội dung được nêu tại Hợp đồng này. Hợp đồng này không thể được thay đổi hoặc sửa đổi trừ khi được thỏa thuận bằng văn bản ký kết bởi Các bên.

9.8. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG TRƯỜNG VŨ	**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VTIMES**
(Ký, đóng dấu)	*(Ký, đóng dấu)*

KHOA TIN
LAW FIRM